

Số: 10/QĐ-UBND

Hạ Long, ngày 05 tháng 01 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Nhà máy gạch Đồng Tâm của Xí nghiệp 395 – Công ty xây dựng 319
tại xã Đồng Tâm - huyện Bình Liêu - tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003; Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 2801/UBND-QH2 ngày 30/7/2009 của UBND tỉnh Quảng Ninh “V/v địa điểm đầu tư xây dựng Nhà máy gạch Đồng Tâm tại xã Đồng Tâm - huyện Bình Liêu - tỉnh Quảng Ninh”;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 689/SXD-QH ngày 28/12/2009; hồ sơ đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được UBND huyện Bình Liêu thỏa thuận; Sở Xây dựng thẩm định, trình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư Khu kinh tế Vân Đồn tại xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới:

a. Phạm vi:

- Tại thôn Pắc Pó, xã Đồng Tâm, huyện Bình Liêu. Cụ thể:
- + Phía Đông và phía Bắc giáp đất rừng;
- + Phía Tây giáp đường đất vào nhà máy hiện trạng;
- + Phía Nam giáp đường liên xã;

b. Ranh giới:

- Ranh giới: A.B.C.D.E.F.G.H.K.L.M.N.P.Q; diện tích: 74.975,0m²;

2. Tính chất: đầu tư xây dựng mở rộng Nhà máy hiện có;

3. Quy hoạch sử dụng đất:

a. Quy mô:

- Số lượng cán bộ công nhân viên: 160 người;
- Sản lượng: 17.000.000 viên/năm – 21.000.000 viên/năm;
- Công suất dây chuyền: 40.000 viên/ca;

b. Bảng cơ cấu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	10.537	14,05
2	Đất sân bãi	7.994	10,66
3	Đất dự trữ cấp nguyên liệu	32.987	44,00
4	Đất giao thông + sân nội bộ	11.032	14,72
5	Đất cây xanh	9.330	12,45
6	Mặt nước (Hồ điều hòa)	3.095	4,12
Tổng		74.975	100,00

c. Bảng danh mục công trình:

STT	Ký hiệu	Hạng mục công trình	Diện tích XD (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Tầng cao	SL
A		Khu đất xây dựng nhà máy	16.957			
1	1	Nhà bao che lò nung, sấy	2.400	2.400	01	01
2	2	Nhà phơi gạch mộc	5.098	5.098	01	01
3	3	Nhà chế biến tạo hình	420	420	01	01
4	22	Nhà bảo vệ	18	18	01	01
5	12	Nhà vệ sinh	18	18	01	01
6	14	Trạm điện	22	22		01
7	13	Bể nước	27			01
8	4	Kho than	450	450	01	01
9	5	Nhà chứa đất và cấp nguyên liệu thùng	510	510	01	01
10	20	Bãi chứa đất ngoài trời	353			
11	21	Bãi thành phẩm và sân phơi ngoài trời	7.641			
B		Khu nhà ở CBCNV + Cây xanh + Hồ nước	15.162			

12	9	Nhà ở TT Cán bộ công nhân viên	600	2.400	02	02
13	10	Nhà vệ sinh + tắm	116	116	01	01
14	8	Nhà bếp + ăn	131	131	01	01
15		Bể nước	27			01
16	17	Hồ điều hòa	3.095			
17	18	Cây xanh	8.510			
18		Sân đường dạo	2.683			
C		Khu văn phòng	2.701			
19	6	Nhà làm việc vận hành	130	260	02	01
20		Sân bê tông	1.181			
21		Cây xanh	820			
22	7	Nhà hội trường	250	250	01	01
23	11	Gara ô tô	144	144	01	01
24		Nhà bảo vệ	18	18	01	01
25		Nhà bếp + ăn	131	131	01	01
26		Bể nước	27			01
D	15-16	Giao thông	7.168			
E	19	Khu nguyên vật liệu dự trữ	32.987			
		Tổng	74.975			

d. Mật độ xây dựng và hệ số sử dụng đất:

- Mật độ xây dựng gộp: 14,05%;
- Hệ số sử dụng đất: $K=0,17$ lần;

4. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

a. San nền:

- Cao độ khống chế đầu nối giao thông: Cao độ tuyến đường phía Nam khu đất;
- Hướng dốc: Từ Tây Bắc xuống Đông Nam;
- Cao độ thấp nhất (điểm đầu nối với tuyến đường phía Tây Nam khu): + 178.50m;
- Cao độ cao nhất (Phía Tây Bắc): + 185.00m;

b. Giao thông:

- Điểm đầu nối: giao thông chính của dự án đầu nối vào tuyến đường phía Nam khu đất;
- Chỉ tiêu kỹ thuật:
- + Tuyến đường 2-3 có mặt cắt: $3,5m-7,5m-3,5m=14,5m$; $L=50$ m;

- + Tuyến đường 3-4 có mặt cắt: 3,5m-7,5m-1,0-9,0-3,0m=24,0m; L=58 m;
- + Tuyến đường 4-6-8 có mặt cắt: 0,0m-7,5m-3,0m=10,5m; L=245 m;
- + Tuyến đường 4-5-7-8 có mặt cắt: 0,0m-7,5m-0,0m=7,5m; L=260 m;
- + Độ dốc dọc Max: 10%;
- + Độ dốc ngang: 2%;

c. Thoát nước:

- Hướng thoát nước theo phương án san nền, hướng từ Tây Bắc xuống Đông Nam qua tuyến đường phía Nam khu đất;
- Thoát nước mưa: Các tuyến cống chính B=800; Tuyến phụ B=300-600;
- Thoát nước thải: Nước thải từ các công trình được thu từ các bể tự hoại của các khu vệ sinh rồi thoát về hệ thống thoát mưa dự án;

d. Cấp nước:

- Nguồn nước cấp cho Dự án: dùng nước giếng khoan;
- Nước cấp cho công trình được đầu nối với hệ thống bể chứa ngầm và được cấp đến chân công trình bằng hệ thống tự chảy và bơm tự động;
- Mạng lưới ống chính: D100-25;
- Mạng lưới ống cứu hỏa D100; Học cứu hỏa bố trí theo tiêu chuẩn;

e. Cấp điện:

- Nguồn cấp điện: đầu nối từ nguồn đường điện chạy dọc tuyến đường liên xã cấp vào các trạm biến áp của dự án;
- Sơ đồ mạng và chỉ tiêu kỹ thuật: theo hồ sơ quy hoạch;

f. Phòng cháy chữa cháy:

- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà và chữa cháy ngoài nhà;
- Trang bị các phương tiện chữa cháy tại chỗ (bình chữa cháy);

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Xí nghiệp 395 - Công ty xây dựng 319 (Chủ đầu tư) triển khai các bước tiếp theo của dự án theo quy định công bố công khai quy hoạch được duyệt; hoàn thiện các hồ sơ thiết kế, dự án, đầu nối hạ tầng kỹ thuật; đánh giá tác động môi trường; hoàn thiện hồ sơ đất đai; lưu trữ hồ sơ; triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật, công trình theo quy hoạch và thiết kế được duyệt;
- Ủy ban Nhân dân huyện Bình Liêu phối hợp với Chủ đầu tư công bố công khai quy hoạch; giải phóng mặt bằng; thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định;
- Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước thuộc ngành; hướng dẫn đơn vị triển khai thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo quy định hiện hành;

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông Vận tải; Xí nghiệp 395 - Công ty xây

dụng 319; Ủy ban Nhân dân huyện Bình Liêu; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./76

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh (B/c);
- Như điều 3 (thực hiện);
- V0, V2, QH1-2, QLĐĐ1, TM2, TH1;
- Lưu: VT, QH1.

30 bản-QĐ21

TM. UBND TỈNH QUẢNG NINH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thông